

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **04/2020/KDTM- ST**
Ngày 13 tháng 02 năm 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Lương Thị Phương**

2. Bà **Nguyễn Thị Thụy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thu Hương**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2019/TLST – KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 426/2019/QĐST-KDTM ngày 26 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2020/QĐST - HPT ngày 14 tháng 01 năm 2020 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng T (MB)**; Địa chỉ: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đức – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn Tài – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ, Địa chỉ: tầng G2, tòa nhà B4 đường Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

* Bị đơn: **Công ty Q**; Địa chỉ: Số nhà 1, ngõ 409 đường M, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang Việt – Chức vụ: Giám đốc, địa chỉ: Số 444 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Hoàng Ngọc H**, sinh năm 1952 và bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1954; anh Hoàng Phương H, sinh năm 1982 (con trai); chị Hoàng Lan H, sinh năm 1980 (con gái); chị Lê Thị H, sinh năm 1992 (con dâu); cháu Hoàng Gia D, sinh năm 2006; cháu Hoàng Gia B, sinh năm 2016; cháu Trần Quang A, sinh năm 2009 Cùng cư trú tại: số 13, hẻm 10/16/11 phố M Thượng, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Ông **H**, 72 tuổi (anh ruột ông Hoàng Ngọc H đang ở nhờ); HKTT: Số 01 N, quận H, thành phố Hà Nội, hiện đăng tạm trú tại số 13 hẻm 10/16/11 phố M Thượng, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Anh **Trần Văn T**, sinh năm 1982 (con rể), địa chỉ số 13 hẻm 10/16/11 phố M Thượng, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

(Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn - ông T có mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/7/2018 của nguyên đơn, cũng như các bản khai người đại diện cho nguyên đơn trình bày:

1. Ngày 23/11/2011, Bên cho vay là Ngân hàng T (MB) sau đây gọi tắt là MB đã ký Hợp đồng tín dụng số 9611.006.488652.TD với Bên vay là Công ty Q sau đây gọi tắt là công ty Q với số tiền vay là: 1.800.000.000đ (Một tỷ tám trăm triệu đồng); mục đích vay: Thanh toán tiền nhập vật liệu xây dựng; thời hạn vay: 05 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo khế ước nhận nợ; lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư 12 tháng cộng biên độ theo từng lần giải ngân, lãi suất tại thời điểm giải ngân quy định trên từng khế ước nhận nợ; trả nợ gốc vay vào ngày đáo hạn ghi trên từng khế ước nhận nợ; trả nợ lãi định kỳ 01 tháng/kỳ.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên, Bên cho vay đã giải ngân đầy đủ số tiền 1.800.000.000 đồng, thời hạn vay 05 tháng kể từ ngày nhận nợ theo các khế ước:

- Khế ước LD 1132800482 giải ngân ngày 24/11/2011; số tiền giải ngân: 827.076.000 đồng; mục đích: thanh toán tiền nhập vật liệu xây dựng; phương thức giải ngân: chuyển khoản; lãi suất được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22%/năm, biên độ lãi suất 8%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần; thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 24/11/2011 đến ngày 24/5/2012.

- Khế ước LD 1132800474 giải ngân ngày 24/11/2011; số tiền giải ngân: 972.924.000 đồng; mục đích: thanh toán tiền nhập vật liệu xây dựng; phương thức giải ngân: chuyển khoản; lãi suất được điều chỉnh theo quy định của hợp đồng, lãi suất tại thời điểm giải ngân là 22%/năm, biên độ lãi suất 8%/năm, điều

chính 03 tháng một lần; thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 24/11/2011 đến ngày 24/5/2012.

2. Tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Q tại MB, ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị B đã tự nguyện thế chấp toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 993319 vào sổ cấp GCN số H474/2009/QĐUB 128.2009 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/3/2009 mang tên ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị B: diện tích 43.9m², tài sản trên đất là nhà bê tông 02 tầng tại thửa đất số 81/2, tờ bản đồ số 7E – II – 18, địa chỉ số 13 hẻm 10/16/11 phố M Thượng, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng: 316.2011/HĐTC ngày 22/12/2011 sửa đổi ngày 16/5/2012.

Giá trị tài sản thế chấp: Hai bên cùng thống nhất tổng giá trị tài sản thế chấp là 2.639.000.000 đồng.

Nghĩa vụ được bảo đảm: Bên thế chấp chấp nhận tài sản thế chấp để đảm bảo cho số tiền vay của Công ty Q vay vốn tại MB là 2.111.000.000 đồng.

Sau khi giải ngân và đến các kỳ hạn trả nợ gốc và lãi, Bên vay đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho MB. Tính đến thời điểm ngày 03/7/2018, Công ty Q đã trả được số tiền là 169.990.487 đồng. Tổng dư nợ của Công ty Q là 5.860.224.513 đồng. Trong đó: nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 69.039.513 đồng, lãi quá hạn: 3.991.185.000 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, đôn đốc, yêu cầu Công ty Q trả nợ nhưng Công ty thường xuyên trì hoãn, kéo dài thời gian trả nợ. Đến nay, phía Công ty vẫn không thu xếp tài chính để trả nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng T đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty Q trả nợ MB các khoản nợ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9611.006.488652.TD ngày 23/11/2011 và khế ước nhận nợ với tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 13/02/2020 là: 6.931.074.513 đồng. Trong đó: nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 69.039.513 đồng, lãi quá hạn: 5.062.035.000 đồng.

2. Buộc Công ty Q tiếp tục trả nợ cho MB số tiền nợ lãi, tiền phạt phát sinh tính theo lãi suất thỏa thuận quy định tại Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9611.006.488652.TD ngày 23/11/2011 và khế ước nhận nợ cho đến khi trả hết nợ.

3. Trong trường hợp Công ty không trả được nợ, Ngân hàng T được toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm.

4. Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho MB thì Công ty Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý sử dụng biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29 tháng 8 năm 2019 làm căn cứ để giải quyết vụ án.

Tại đơn trình bày sự việc và các biên bản hòa giải người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị B trình bày:

Nội dung của việc thế chấp là do con rể bà B – anh Trần Văn T có quen biết và làm ăn chung với ông Việt – Giám đốc Công ty Q nên có nợ ông Việt số tiền 600.000.000 đồng. Do không trả nợ được, nên ông Việt có nói với anh Triết là có sổ đỏ thì đưa vào ngân hàng để vay số tiền 800.000.000 đồng, trong đó 600.000.000 đồng sẽ trả nợ, còn 200.000.000 đồng ông Việt nói cho ông Việt vay. Do không hiểu biết nên bà B có ký vào hợp đồng thế chấp tài sản, nhiều lần ngân hàng cũng gọi điện báo dư nợ quá hạn tuy nhiên ngân hàng không nói rõ khoản nợ, gia đình cũng liên lạc với ông Việt để lấy sổ đỏ ra, nhưng ông Việt khất lãn và nói không có vấn đề gì đâu, ông Việt sẽ xử lý được. Nhưng sau đó ông Việt đã bỏ trốn, gia đình bà B không liên lạc được và không biết ông Việt ở đâu.

Bà B đã từng thắc mắc tại sao nhà đất của gia đình bà lại có giá trị cao để vay được 1.800.000.000 đồng thì ông Việt có trình bày là do có ký vay tiền và thế chấp thêm cả tài sản của ông Việt tách thành hai hợp đồng tín dụng: 1.000.000.000 đồng và 800.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Nay bà B được biết, ngân hàng yêu cầu Công ty Q trả nợ tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 31/03/2018 là: 5.860.224.513 đồng. Trong đó: nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 69.039.513 đồng, lãi quá hạn: 3.991.185.000 đồng.

Bà B đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền lợi cho bên thế chấp. Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì khác. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nhà đất tại địa chỉ số 13 hẻm 10/16/11 phố M Thượng, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa hòa giải không có văn bản yêu cầu gửi đến tòa cũng như vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn và không tiến hành hòa giải cho các đương sự được. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Thông báo về kết quả xem

xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai liên tiếp không có lý do và cũng không ủy quyền cho bất cứ ai tham dự phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét quyền lợi của các đương sự và tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Nguyên đơn có ý thức chấp hành pháp luật. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, do đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, là đúng quy định.

+ Về nội dung: Việc bị đơn không trả nợ cho nguyên đơn theo đúng thời hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ hai bên đã ký là vi phạm hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán theo hợp đồng tín dụng và đề nghị xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ.

Về đề xuất hướng giải quyết vụ án: Căn cứ lời khai trình bày của các đương sự, tài liệu về Hợp đồng tín dụng, các khế ước nhận nợ, Hợp đồng thế chấp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tổng số nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 13/02/2020 là: 6.931.074.513 đồng. Trong đó: nợ gốc: 1.800.000.000 đồng, lãi trong hạn: 69.039.513 đồng, lãi quá hạn: 5.062.035.000 đồng.

Án phí sơ thẩm: Hoàn trả Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là Công ty Q có trụ sở đăng ký kinh doanh tại số nhà 1, ngõ 409 đường M, phường N, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Đây là vụ án Kinh doanh thương mại “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đều vắng mặt không có lý do tại các buổi hòa giải. Vì vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

- Bị đơn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh, nhưng không thông báo cho ngân hàng và những người liên quan được biết. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo hợp lệ tại địa chỉ kinh doanh của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 5, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vắng mặt không lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa. Vì vậy Tòa án áp dụng Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc ký kết Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9611.006.488652.TD ngày 23/11/2011 giữa MB với bị đơn có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay, các bên đã tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước trách nhiệm về nội dung hợp đồng, tại thời điểm công chứng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội, các bên đều đã đọc và ký hợp đồng trước mặt công chứng viên, do vậy quyền và nghĩa vụ cũng như hậu quả pháp lý được quy định trong hợp đồng các bên đều phải chịu trách nhiệm. Trong trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và toàn bộ dư nợ của hợp đồng tín dụng trên đã bị chuyển sang nợ quá hạn kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2012. Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc nhưng đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ, tiếp tục vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nên nguyên đơn khởi kiện đến Tòa án. Việc nguyên đơn khởi kiện bị đơn là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

- Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 342, 343, 348, 355 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 3 Điều 5, điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Điều 11, 24 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng theo Quyết định số: 1627/2001/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ngày 31/12/2001; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 26, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T ;

Buộc Công ty Q phải trả Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 9611.006.488652.TD ngày 23 tháng 11 năm 2011 tạm tính đến ngày 13 tháng 02 năm 2020 là: 1.800.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm triệu đồng*);

Buộc Công ty Q phải trả Ngân hàng T số tiền nợ lãi tính trên số tiền nợ gốc theo thỏa thuận đến ngày xét xử là: 5.131.074.513 đồng (*Năm tỷ, một trăm ba mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm mười ba đồng*), trong đó lãi trong hạn: 69.039.513 (*Sáu mươi chín triệu, không trăm ba mươi chín nghìn, năm trăm mười ba đồng*), lãi quá hạn: 5.062.035.000 (*Năm tỷ, không trăm sáu mươi hai triệu, không trăm ba mươi lăm nghìn đồng*);

Tổng số tiền Công ty Q phải trả Ngân hàng T tổng số tiền nợ gốc và lãi phát sinh là: 6.931.074.513 (*Sáu tỷ, chín trăm ba mươi mốt triệu, không trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm mười ba*) đồng.

Kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2020, Công ty Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký.

2. Trường hợp Công ty Q không trả được nợ, Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 993319 vào sổ cấp GCN số H474/2009/QĐUB 128.2009 do UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội cấp ngày 18/3/2009 mang tên ông Hoàng Ngọc H và bà Nguyễn Thị B: diện tích 43.9m², tài sản trên đất là nhà bê tông 02 tầng tại thửa đất số 81/2, tờ bản đồ số 7E – II – 18, địa chỉ số 13 hẻm 10/16/11 phố M Thượng, phường C, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho bên thứ ba vay vốn ngân hàng, số công chứng: 316.2011/HĐTC ngày 22/12/2011 sửa đổi ngày 16 tháng 5 năm 2012.

Trong trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả nợ cho Ngân hàng T thì Công ty Q phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

3. Về án phí sơ thẩm: Công ty Q phải chịu 114.931.075 (Một trăm mười bốn triệu, chín trăm ba mươi một nghìn, không trăm bảy mươi lăm) đồng án phí sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp **56.000.000** (Năm mươi sáu triệu) đồng theo biên lai thu số **5457** ngày 10 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 13 tháng 02 năm 2020. Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Ngọc Long